BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Chợ Rẫy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "Cung cấp máy lạnh treo tường sử dụng tại Bệnh viện Chợ Rẫy" thuộc Dự toán mua sắm "Hàng hóa, sửa chữa, dịch vụ năm 2024" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Chợ Rẫy

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Đào Văn Hiệp (Phòng Tổ chức - Hành chính)
Số điện thoại: 028.38.554.137- 028.38.554.138-Line 1213.
Email: baogia.bvcr@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện Chợ Rẫy (Phòng Tổ chức - Hành chính) - 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 08h ngày 09 tháng 7 năm 2024 đến trước 16h ngày 16 tháng 7 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Tên gói thầu: Cung cấp máy lạnh treo tường sử dụng tại Bệnh viện Chợ Rẫy.

2. Danh mục hàng hóa: Theo danh mục hàng hóa chi tiết đính kèm.

3. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Chợ Rẫy - 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng nhiều đợt trong 12 tháng (theo yêu cầu đặt hàng của chủ đầu tư bằng văn bản, fax, email hoặc điện thoại).

Giao hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng: Không áp dụng.

Phương thức thanh toán: Các yêu cầu thanh toán của nhà cung cấp phải được gửi cho chủ đầu tư bằng văn bản, kèm hóa đơn theo đúng quy định của Nhà nước, mô tả chính xác chủng loại, quy cách, số lượng, đơn giá của các hàng hóa đã được cung cấp.

Việc thanh toán sẽ được chuyển khoản trong vòng 120 ngày sau khi nhà cung cấp cung cấp đủ chứng từ hợp lệ theo từng đợt.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Phạm Thanh Việt

Nơi nhận:
- Web Bệnh viện;
- Web Báo đấu thầu;
- Lưu: QT.

BỆNH VIỆN CHỢ RẪY
PHÒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thư mời chào giá ngày 08/7/2024 của
gói thầu: "Cung cấp máy lạnh treo tường sử dụng tại Bệnh viện Chợ Rẫy")

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thương hiệu			Đơn giá			Thành tiền		
					1	2	3	1	2	3	1	2	3
1	Máy lạnh treo tường 9.000 Btu/h (2,64 kW)	- Công suất lạnh: ≥ 9.000 Btu/h. (≥ 2,64 kW). - Công nghệ máy nén: Không Inverter. - Điện áp: 220V-240V/50Hz/1P. - Công suất điện: ≤ 798 W. - Dòng hoạt động: ≤ 3,8 A. - Hiệu suất năng lượng theo mùa CSPF: ≥ 3,45. - Lưu lượng gió 3 tốc độ: ≥ 450/370/320 m^3/h. - Độ ồn dàn lạnh: ≤ 44/38/33 dB(A). - Độ ồn dàn nóng: ≤ 51 dB(A). - Chiều dài đường ống: ≥ 15 m. - Độ cao chênh lệch dàn nóng và dàn lạnh: ≥ 10 m. - Loại máy lạnh: 1 chiều, hút ẩm. - Làm lạnh nhanh: Có. - Khử mùi: Lưới lọc bụi. - Chế độ gió: Điều khiển lên xuống tự động, trái phải tùy chỉnh tay. - Tự khởi động lại sau khi có điện: Có. - Gas sử dụng: R32. - Remote điều khiển bật/tắt màn hình hiển thị: Có. - Tự động chẩn đoán và hiển thị lỗi trên thiết bị. - Dàn trao đổi nhiệt có chức năng chống ăn mòn. - Tương thích điện từ.	Bộ	20									

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thương hiệu			Đơn giá			Thành tiền		
					1	2	3	1	2	3	1	2	3
2	Máy lạnh treo tường 11.100 Btu/h (3,26 kW)	- Công suất lạnh: ≥ 11.100 Btu/h. (≥ 3,26 kW). - Công nghệ máy nén: Không Inverter. - Điện áp: 220V-240V/50Hz/1P. - Công suất điện: ≤ 1.045 W. - Dòng hoạt động: ≤ 4,8 A. - Hiệu suất năng lượng theo mùa CSPF: ≥ 3,49. - Lưu lượng gió 3 tốc độ: ≥ 450/370/320 m^3/h. - Độ ồn dàn lạnh: ≤ 48/40/36 dB(A). - Độ ồn dàn nóng: ≤ 55 dB(A). - Chiều dài đường ống: ≥ 20 m. - Độ cao chênh lệch dàn nóng và dàn lạnh: ≥ 10 m. - Loại máy lạnh: 1 chiều, hút ẩm. - Làm lạnh nhanh: Có. - Khử mùi: Lưới lọc bụi. - Chế độ gió: Điều khiển lên xuống tự động, trái phải tùy chỉnh tay. - Tự khởi động lại sau khi có điện: Có. - Gas sử dụng: R32. - Remote điều khiển bật/tắt màn hình hiển thị: Có. - Tự động chẩn đoán và hiển thị lỗi trên thiết bị. - Dàn trao đổi nhiệt có chức năng chống ăn mòn. - Tương thích điện từ.	Bộ	50									

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thương hiệu			Đơn giá			Thành tiền		
					1	2	3	1	2	3	1	2	3
3	Máy lạnh treo tường 17.100 Btu/h (5,02 kW)	- Công suất lạnh: ≥ 17.100 Btu/h. (≥ 5,02 kW). - Công nghệ máy nén: Không Inverter. - Điện áp: 220V-240V/50Hz/1P. - Công suất điện: ≤ 1.700 W. - Dòng hoạt động: ≤ 7,9 A. - Hiệu suất năng lượng theo mùa CSPF: ≥ 3,27. - Lưu lượng gió 3 tốc độ: ≥ 740/620/500 m^3/h. - Độ ồn dàn lạnh: ≤ 49/40/37 dB(A). - Độ ồn dàn nóng: ≤ 53 dB(A). - Chiều dài đường ống: ≥ 20 m. - Độ cao chênh lệch dàn nóng và dàn lạnh: ≥ 10 m. - Loại máy lạnh: 1 chiều, hút ẩm. - Làm lạnh nhanh: Có. - Khử mùi: Lưới lọc bụi. - Chế độ gió: Điều khiển lên xuống tự động, trái phải tùy chỉnh tay. - Tự khởi động lại sau khi có điện: Có. - Gas sử dụng: R32. - Remote điều khiển bật/tắt màn hình hiển thị: Có. - Tự động chẩn đoán và hiển thị lỗi trên thiết bị. - Dàn trao đổi nhiệt có chức năng chống ăn mòn. - Tương thích điện từ.	Bộ	100									

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thương hiệu			Đơn giá			Thành tiền		
					1	2	3	1	2	3	1	2	3
4	Máy lạnh treo tường 21.500 Btu/h (6,3 kW)	- Công suất lạnh: ≥ 21.500 Btu/h. (≥ 6,3 kW). - Công nghệ máy nén: Không Inverter. - Điện áp: 220V-240V/50Hz/1P. - Công suất điện: ≤ 2.305 W. - Dòng hoạt động: ≤ 10,6 A. - Hiệu suất năng lượng theo mùa CSPF: ≥ 3.08 - Lưu lượng gió 3 tốc độ: ≥ 950/830/700 m^3/h. - Độ ồn dàn lạnh: ≤ 50/45/40 dB(A). - Độ ồn dàn nóng: ≤ 54 dB(A). - Chiều dài đường ống: ≥ 25m. - Độ cao chênh lệch dàn nóng và dàn lạnh: ≥ 10 m. - Loại máy lạnh: 1 chiều, hút ẩm. - Làm lạnh nhanh: Có. - Khử mùi: Lưới lọc bụi. - Chế độ gió: Điều khiển lên xuống tự động, trái phải tùy chỉnh tay. - Tự khởi động lại sau khi có điện: Có. - Gas sử dụng: R32. - Remote điều khiển bật/tắt màn hình hiển thị: Có. - Tự động chẩn đoán và hiển thị lỗi trên thiết bị. - Dàn trao đổi nhiệt có chức năng chống ăn mòn. - Tương thích điện từ.	Bộ	100									

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thương hiệu			Đơn giá			Thành tiền		
					1	2	3	1	2	3	1	2	3
5	Máy lạnh âm trần 23.200 Btu/h (6,8 kW)	- Công suất lạnh: ≥ 23.200 Btu/h. (≥ 6,8 kW). - Công nghệ máy nén: Không Inverter. - Nguồn: 220V-240V/50Hz/1P. - Điện năng tiêu thụ: ≤ 2.250 W. - Dòng điện hoạt động: ≤ 10,1 A. - Hiệu suất làm lạnh EER: ≥ 3,0 - Lưu lượng gió 3 tốc độ: ≥ 1200/800/750 m^3/h. - Độ ồn dàn lạnh: ≤ 51/49/47 dB(A). - Độ ồn dàn nóng: ≤ 57 dB(A). - Loại máy lạnh: 1 chiều. - Làm lạnh nhanh: Có. - Khử mùi: lưới lọc bụi - Chế độ Gió: Đảo gió tự động - Tự khởi động lại sau khi có điện: Có. - Gas sử dụng: R410/R32 - Remote điều khiển bật/tắt màn hình hiển thị: Có. - Tự động chẩn đoán và hiển thị lỗi trên thiết bị. - Dàn trao đổi nhiệt có chức năng chống ăn mòn. - Tương thích điện từ.	Bộ	4									
										Tổng cộng:	**0**	**0**	**0**

Ghi chú: Kính đề nghị Đơn vị khi chào giá có đính kèm thương hiệu và catalogue tương ứng theo mẫu trên.